

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2020/KDTM-PT**

Ngày 11/6/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính” và yêu cầu phản tố về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong quá trình thực hiện hợp đồng cung ứng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5; 04/6 và ngày 11/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 105/2020/TLPT-KDTM ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính” và yêu cầu phản tố về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong quá trình thực hiện hợp đồng cung ứng lao động”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2019/KDTM-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2020/QĐ-PT ngày 08/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2020/QĐ-PT ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông V.H.P, sinh năm 196X; Trú tại: Số A Dốc T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà N.T.T –Văn phòng Luật sư Y. Địa chỉ: PX Tòa nhà A, Y T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội ; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông T.Q.H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Y, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Công ty H.

Trụ sở: Số X ngõ Z N, phường B, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T.Q.T–Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D.H.H –Phó Tổng Giám đốc; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà T.H.P và bà N.T.T.H, Luật sư của Công ty Luật TNHH thực hành luật C, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; bà P và bà H đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2009, Công ty H có ký kết Hợp đồng cung ứng lao động với Công ty G. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H mời gọi các nhà đầu tư tài chính trong nước góp vốn để thực hiện hợp đồng nói trên, một trong những nhà đầu tư là Ông V.H.P. Ngày 10/8/2010, ông P đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010/HTĐTTC (Hợp đồng số 01) với Công ty H để khai thác Hợp đồng cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với nội dung ông P bằng nguồn tài chính hợp pháp của mình đầu tư với Công ty H để đặt cọc bảo lãnh hợp đồng cho đối tác nước ngoài với số tiền 300.000 USD (Ba trăm nghìn đô la Mỹ) cho đơn hàng tuyển dụng 200 lao động Việt Nam đi làm việc tại I.

Tại điều 1 của Hợp đồng số 01 quy định: “Sau khi tìm hiểu Đơn hàng, bên B đồng ý bằng nguồn tài chính hợp pháp của mình đầu tư với bên A để đặt cọc bảo lãnh cho đối tác nước ngoài số tiền là 300.000 USD (Ba trăm nghìn đô la Mỹ) cho Đơn hàng tuyển dụng 200 lao động Việt Nam đi làm việc tại I theo Hợp đồng cung ứng lao

động số: 01/ASL-GLOB ký kết giữa Công ty Alsimex và Global Horizons Canada.” Điều khoản này đã vi phạm điều cấm của pháp luật về điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ. Cụ thể: Vi phạm điểm b khoản 1 Điều 122 BLDS năm 2005, Điều 22 pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và Điều 29 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 của Chính phủ. Vì vậy hợp đồng trên giữa ông P và Công ty H là vô hiệu vì vi phạm điều cấm.

Do đó, ông P đã nhiều lần đề nghị Công ty H hoàn trả số tiền 300.000 USD đã nhận nhưng Công ty H cho rằng đã chuyển số tiền trên sang Hoa Kỳ cho Công ty G để thực hiện cung ứng lao động, Tuy nhiên, Công ty G lại bị dính líu vào vụ việc bị kiện tụng khi nhận được thông báo của nhà chức trách Hoa Kỳ về việc ông M (Quốc tịch A, chức vụ: Chủ tịch) và đại diện được ủy quyền là ông K và ông T đã vi phạm pháp luật Hoa Kỳ và bị thẩm vấn, điều tra, tạm đình chỉ hành nghề cung ứng lao động nên Công ty H không thể thanh toán khoản tiền đã nhận cho ông P, đến nay vụ việc đã được Tòa án tối cao của tỉnh B xét xử xong. Việc Công ty H cho rằng số tiền 300.000 USD đã nhận của ông P đang bị Công ty G chiếm giữ, chưa thu hồi được vì đang chờ thi hành bản án nhưng đây là hai mối quan hệ hoàn toàn độc lập nên việc thi hành bản án trên hoàn toàn không liên quan đến nghĩa vụ mà Công ty H phải thanh toán cho ông P. Ngoài ra, Công ty H không có chức năng hoạt động về đầu tư tài chính nên việc ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính giữa ông P và Công ty H là vi phạm pháp luật.

Vì vậy, ông P yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng Hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010 ngày 10/8/2010 giữa Ông V.H.P và Công ty H là vô hiệu. Buộc Công ty H hoàn trả lại ông P số tiền 5.730.000.000 đồng tương đương 300.000 USD đã nhận.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty H có chức năng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu lao động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008332 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/6/2005 và Giấy phép hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu lao động số 208/LĐTBXH-GP do Bộ lao động thương binh và xã hội cấp ngày 02/11/2009.

Ngày 21/12/2009, Công ty H đã ký kết Hợp đồng cung ứng lao động với Công

ty G. Quá trình thực hiện Hợp đồng do phải đầu tư vốn để thực hiện nên Công ty H có mời gọi các nhà đầu tư tài chính trong nước góp vốn để thực hiện hợp đồng này, một trong những nhà đầu tư tài chính được mời gọi là Ông V.H.P. Ngày 10/8/2010, Công ty H và ông P đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010/HTĐTTC trong đó ghi rõ quyền lợi, nghĩa vụ của các bên. Do đối tác với Công ty H là đối tác nước ngoài và hoạt động đặc thù của Công ty là xuất khẩu lao động đi làm việc ở nước ngoài nên thỏa thuận về tài chính là phải thỏa thuận bằng ngoại tệ, không thể hiện bằng tiền VNĐ. Do đó, trong Hợp đồng ký với ông P có đồng tiền định giá bằng ngoại tệ nhưng khi thực hiện thực tế là bằng VNĐ. Vì vậy, sau khi ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính với ông P, ông P đã chuyển vào tài khoản của Công ty H tại Ngân hàng M số tiền là 5.730.000.000 đồng tương đương 300.000 USD. Sau đó, Công ty đã sử dụng khoản tiền này để mua ngoại tệ (307.377 đô la Canada) của Ngân hàng M và đã chuyển cho Công ty G. Như vậy, việc ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính nói trên giữa ông P và Công ty H hoàn toàn không vi phạm pháp luật. Ngoài ra, việc ông P và Công ty H ký kết hợp đồng không phải là hoạt động kinh doanh tiền tệ mà chỉ là góp vốn thực hiện giao dịch dân sự.

Tuy nhiên, không may trong quá trình thực hiện đã xảy ra rủi ro, phía đối tác nước ngoài đã có hoạt động vi phạm pháp luật Mỹ và bị xử lý dẫn đến Hợp đồng cung ứng lao động chưa thực hiện được. Công ty H đã khởi kiện Công ty G và đã thắng kiện. Tòa án tối cao tỉnh B, Canada đã tuyên buộc Công ty G phải trả lại cho Công ty H tiền. Hiện Công ty H đang xúc tiến việc thi hành án, sau khi thu lại được tiền Công ty H sẽ làm thủ tục quyết toán với ông P trong việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010/HTĐTTC ngày 10/8/2010 giữa hai bên.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông P, Công ty H không chấp nhận và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2014/KDTM-ST ngày 14/8/2014 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông V.H.P.

-Tuyên bố hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010/HTĐTTC ngày 12/8/2010 kèm theo phụ lục số 01 được ký kết giữa Ông V.H.P và Công ty H là hợp

đồng vô hiệu.’

-Công ty H phải hoàn trả lại Ông V.H.P 5.730.000.000 đồng

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 60/2015/KDTM-PT ngày 01/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông V.H.P đối với Công ty H.

-Công ty H phải hoàn trả Ông V.H.P 5.730.000.000 đồng

Ngày 14/7/2016 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2017/KDTM-GĐT ngày 19/5/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao đã xử:

1.Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 60/2015/KDTM-PT ngày 01/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2014/KDTM-ST ngày 14/8/2014 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính” giữa nguyên đơn là Ông V.H.P với bị đơn là Công ty H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm”.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2019/KDTM-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã xử:

- Căn cứ điểm m khoản 1 Điều 29 BLTTDS năm 2004, điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, khoản 1 điều 30, điều 35, điều 146 điều 147, điều 218, khoản 2 điều 227, điều 228 , điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, - Căn cứ điều 122, điều 128, điều 136, điều 137, điều 410, điều 411, điều 424 BLDS 2005;

- Căn cứ điều 22 Pháp lệnh ngoại hối và Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

- Điều 7 và Điều 18 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Mục IV Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 8/10/2007 hướng dẫn cho tiết một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.H.P:

- Tuyên bố Hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính số 01/2010/HTĐTTC ngày 12/8/2010 kèm theo Phụ lục số 01 được ký kết giữa ông P và Công ty H là hợp đồng vô hiệu.

- Công ty H phải hoàn trả ông V.H.P số tiền 5.730.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng)

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố “Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong quá trình thực hiện Hợp đồng cung ứng lao động” của Công ty H. Công ty H có quyền khởi kiện lại yêu cầu phản tố trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, nhưng đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Bị đơn Công ty H đồng ý thanh toán cho nguyên đơn Ông V.H.P số tiền là 3.500.000.000 đồng.

Thời gian thanh toán toàn bộ số tiền trên chậm nhất đến ngày 16/6/2020.

Phương thức thanh toán: Công ty H chuyển toàn bộ số tiền 3.500.000.000 đồng vào tài khoản số 1901030223998 của Ông V.H.P mở tại ngân hàng T chi nhánh N.

- Về án phí, mỗi bên tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện này được chấm dứt, bao gồm cả yêu cầu phản tố của Công ty H.

Ngoài ra, Công ty H và Ông V.H.P không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ông V.H.P với Công ty H phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại, mà bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Số X ngõ Z N, phường B, quận L, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã hòa giải và thống nhất với nhau về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Công ty H kháng cáo, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 121; Điều 122; Điều 123; Điều 124; Điều 126 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2019/KDTM-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty H phải thanh toán cho Ông V.H.P số tiền là 3.500.000.000 đồng.

Thời gian thanh toán toàn bộ số tiền trên chậm nhất đến ngày 16/6/2020.

Phương thức thanh toán: Công ty H chuyển toàn bộ số tiền 3.500.000.000 đồng vào tài khoản số 1901030223998 của Ông V.H.P mở tại ngân hàng T chi nhánh N.

Mọi vấn đề liên quan đến vụ kiện này được chấm dứt, bao gồm cả yêu cầu phản tố của Công ty H.

Ngoài ra, Công ty H và Ông V.H.P không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên Tòa không xét.

2. Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu xin thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán thì phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông V.H.P phải chịu 51.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty H phải chịu 51.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo (đã nộp) theo biên lai thu số 8320 ngày 27/8/2014 và 21.374.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu số 236 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội; nên còn phải nộp 29.426.000 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí phúc thẩm:

Công ty H phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số 15809 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Long Biên, tp Hà Nội;
- TAND quận Long Biên, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn